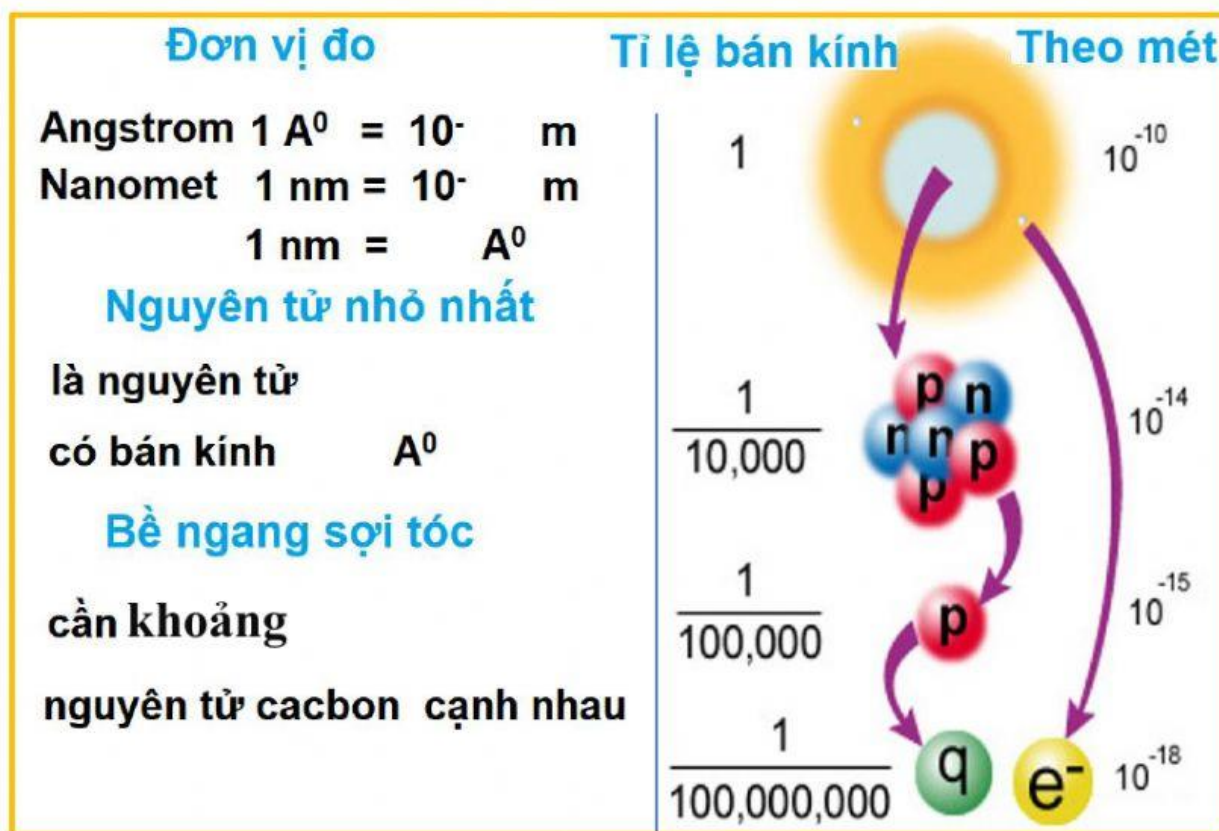


Thành phần phân tử

Hoạt động 5: Kích thước nguyên tử, hạt nhân



Hoạt động 6: Khối lượng nguyên tử

Đơn vị khối lượng nguyên tử (u hay đvC)

$$1 \text{ u} = \frac{1}{12} \cdot m_{12\text{C}} = \frac{1}{12} 19,9625 \cdot 10^{-24} \text{ g}$$

$$1 \text{ u} = 1,6605 \cdot 10^{-24} \text{ g}; \quad 1 \text{ g} = \frac{1}{1,6605 \cdot 10^{-24}} \text{ u.}$$

$m_p \approx \text{u};$ Nguyên tử khối: $m_{\text{nguyên tử}}$ theo u

$m_n \approx \text{u};$ Số p = số e = Z; Số n = N

$m_e \approx \text{u};$ NTK = $m_{\text{nguyên tử}} \approx \text{(u)}$

$1 \text{ mol} = 6,02 \cdot 10^{23}$ hạt ; Khối lượng mol: m 1 mol nguyên tử theo g

$$M = m \text{ 1 mol nguyên tử} \approx \text{(g/mol)}$$